

Âm Tiết Tiếng Trung

第一课 汉语拼音

VOL. 01 NETCHAI ORIGINAL TEXT

Nhập Môn · Bài 1

01 Giới Thiệu

Tiếng Trung Phổ Thông được viết bằng chữ Hán (hanzi), và cách phát âm của mỗi chữ được biểu thị bằng **Pinyin**. Pinyin là hệ thống phiên âm La-tinh hóa dành cho tiếng Phổ Thông. Ví dụ, chữ "妈" được viết là "mā" trong Pinyin.

Tiếng Trung Phổ Thông có **21 phụ âm** và **6 nguyên âm cơ bản**. Chúng kết hợp với nhau — đôi khi cùng với âm cuối mũi — để tạo thành hơn 400 âm tiết. Ví dụ, phụ âm "m" và nguyên âm "a" kết hợp lại tạo ra âm tiết "ma".

Tiếng Trung Phổ Thông cũng là một **ngôn ngữ có thanh điệu**: mỗi âm tiết mang một mẫu cao độ riêng gọi là **thanh điệu**, và thanh điệu là một phần tạo nên ý nghĩa. Cùng một âm tiết nhưng phát âm với thanh điệu khác nhau sẽ mang ý nghĩa hoàn toàn khác nhau.

Ví dụ, âm tiết "ma" mang ý nghĩa khác nhau ứng với môi **4 thanh** được trình bày bên dưới. Hãy nhờ giáo viên đọc to để bạn nghe sự khác biệt về cao độ và ý nghĩa.

mā 妈 (mẹ)	Phụ âm ← m
	Nguyên âm ← a
	Dấu thanh ← ā
	Chữ Hán ← 妈

má
麻
(gai dậu)

mǎ
马
(ngựa)

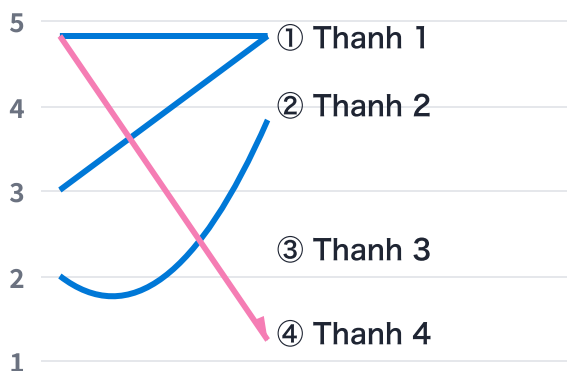
mà
骂
(măng)

ma
吗
(trợ từ nghi vấn)

02 Thanh Điệu

① Bốn Thanh Điệu

Tiếng Phổ Thông có 4 thanh điệu, gọi chung là **tứ thanh**. Đó là thanh 1, thanh 2, thanh 3 và thanh 4, được ký hiệu lần lượt bằng các dấu "ˊ" "ˊˊ" "ˇ" "ˋ".



Thanh 1 cao và bằng — giữ cao độ cao đều

Thanh 2 lên — như hỏi ngạc nhiên "Thật sao?"

Thanh 3 xuống thấp rồi lên — như ngập ngừng "hmm..."

Thanh 4 xuống mạnh — như dứt khoát "Không!"

Thanh	Dấu	Ví dụ	Cách phát âm
Thanh 1	—	<i>mā / ma1</i>	Phát âm ở cao độ cao, giữ bằng.
Thanh 2	↗	<i>má / ma2</i>	Bắt đầu ở cao độ giữa rồi lên đều đến cao.
Thanh 3	∨	<i>mă / ma3</i>	Bắt đầu ở giữa, xuống thấp rồi lên lại.
Thanh 4	↘	<i>mà / ma4</i>	Bắt đầu ở cao độ cao rồi xuống mạnh xuống thấp.

GHI CHÚ: Ký hiệu dấu thanh

Có hai cách viết dấu thanh. Bảng trên thể hiện cả hai: bên trái (**mā, má, mă, mà**) dùng dấu phụ, và bên phải (**ma1, ma2, ma3, ma4**) dùng số. Dạng dấu phụ là chuẩn, nhưng dạng số thường được dùng khi việc gõ dấu thanh không thuận tiện — ví dụ trong tin nhắn trò chuyện. (Trong các buổi học trực tuyến tại NetChai, ký hiệu số được sử dụng.)

② Thanh Nhẹ

Ngoài bốn thanh nêu trên, một số âm tiết mất đi thanh điệu gốc và được phát âm ngắn, nhẹ. Đây gọi là **thanh nhẹ** (còn gọi là thanh thứ năm). Thanh nhẹ không được viết dấu.

Thanh	Dấu	Ví dụ	Cách phát âm
Thanh nhẹ	không	<i>ma / ma</i>	Phát âm ngắn và nhẹ, không có thanh điệu đầy đủ.

Ví dụ

mā ma 妈妈 (mẹ) — chữ "ma" thứ hai là thanh nhẹ

03 Luyện Tập

Đầu tiên, hãy lặp lại từng tổ hợp theo giáo viên. Sau đó thử tự phát âm và nhờ giáo viên kiểm tra xem thanh điệu của bạn có chính xác không.

	Thanh 1	Thanh 2	Thanh 3	Thanh 4	Thanh nhẹ
Thanh 1	<i>māmā</i>	<i>māmá</i>	<i>māmǎ</i>	<i>māmà</i>	<i>māma</i> *
Thanh 2	<i>mámā</i>	<i>mámá</i>	<i>mámǎ</i>	<i>mámà</i>	<i>máma</i> *
Thanh 3	<i>mǎmā</i>	<i>mǎmá</i>	<i>mǎmǎ</i>	<i>mǎmà</i>	<i>mǎma</i> *

	Thanh 1	Thanh 2	Thanh 3	Thanh 4	Thanh nhẹ
Thanh 4	<i>màmā</i>	<i>màmá</i>	<i>màmă</i>	<i>màmà</i>	<i>màma*</i>

*** Cao độ của thanh nhẹ**

Cao độ của một âm tiết thanh nhẹ không liên quan đến thanh điệu gốc của nó; thay vào đó, nó được quyết định hoàn toàn bởi thanh điệu của âm tiết đứng trước. Thanh nhẹ thường được phát âm thấp, ngoại trừ sau âm tiết mang thanh 3 thì được phát âm cao hơn. Sử dụng các biểu đồ` cao độ bên dưới làm hướng dẫn khi luyện tập thanh nhẹ.

Cao độ của thanh nhẹ (thay đổi theo thanh trước)

